HIỆP ĐỊNH

GIỮA

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc (*sau đây gọi là "các Bên"*);

Mong muốn tạo thuận lợi trong hợp tác pháp luật và tái hoà nhập xã hội thành công của người bị kết án phạt tù; và

Xét thấy mục đích này cần đạt được thông qua việc cho phép công dân của một Bên bị tước tự do vì phạm tội hình sự cơ hội được chấp hành hình phạt trên đất nước của mình.

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
ĐỊNH NGHĨA

Trong Hiệp định này:

(a) "Bên chuyển giao" là Bên mà từ đó người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao;

(b) "Bên nhận" là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến;

(c) "Hình phạt" là bất kỳ sự trừng phạt hoặc biện pháp tước tự do có thời hạn hoặc không thời hạn do toà án tuyên đối với một tội hình sự;

(d) "Người bị kết án phạt tù" là bất cứ người nào đã bị toà án trong phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên chuyển giao áp dụng hình phạt trong phạm vi định nghĩa về "hình phạt" quy định tại khoản c Điều này;

e) "Công dân" là người mang quốc tịch của Bên chuyển giao hoặc Bên nhận.

ĐIỀU 2
NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, các Bên sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Phù hợp với các quy định trong Hiệp định này, người bị kết án có thể được chuyển giao từ phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên chuyển giao đến phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên nhận để chấp hành hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên đối với người đó.

3. Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

ĐIỀU 3
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan Trung ương để thực hiện các quy định của Hiệp định này.

2. Cơ quan Trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Công an hoặc một quan chức được Bộ trưởng uỷ quyền. Cơ quan Trung ương của Đại Hàn Dân Quốc là Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc một quan chức được Bộ trưởng uỷ quyền. Mỗi Bên có thể thay đổi Cơ quan Trung ương của mình, trong trường hợp đó phải thông báo ngay cho Bên kia về sự thay đổi này.

3. Các Bên sẽ liên lạc với nhau qua đường ngoại giao, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc đặc biệt.

ĐIỀU 4
ĐIỀU KIỆN CHUYỂN GIAO

1. Người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao với các điều kiện sau đây:

(a) Hành động hoặc không hành động đã bị áp dụng hình phạt cũng cấu thành một tội hình sự theo pháp luật của Bên nhận; tuy nhiên, điều kiện này không thể được giải thích để đòi hỏi tội phạm đó phải được quy định như nhau trong pháp luật của hai Bên đối với những vấn đề không ảnh hưởng đến bản chất của tội phạm đó;

(b) Người bị kết án phạt tù phải là công dân của Bên nhận;

(c) Tại thời điểm tiếp nhận yêu cầu chuyển giao, thời gian chấp hành hình phạt của người bị kết án còn ít nhất một năm, hoặc người bị kết án đang chấp hành hình phạt không xác định thời hạn hoặc tù chung thân;

(d) Phán quyết phải là phán quyết cuối cùng và không còn thủ tục tố tụng nào đối với tội phạm đó đang chờ được tiến hành trong phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên chuyển giao;

(e) Bên chuyển giao và Bên nhận đều đồng ý về việc chuyển giao, và

(f) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án; hoặc sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó nếu một Bên thấy cần thiết khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tinh thần của người bị kết án phạt tù.

2. Trong trường hợp đặc biệt, các Bên có thể đồng ý chuyển giao khi thời gian còn lại mà người bị kết án phải chấp hành hình phạt ít hơn khoảng thời gian quy định tại khoản 1(c) Điều này.

ĐIỀU 5
XÁC NHẬN SỰ ĐỒNG Ý

1. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng người đưa ra đồng ý với việc chuyển giao quy định tại Điều 4.1(f) thực hiện điều đó một cách tự nguyện và với nhận thức về các hệ quả kèm theo.

2. Trước khi chuyển giao, Bên chuyển giao sẽ cho phép một quan chức do Bên nhận chỉ định trực tiếp xác minh rằng người bị kết án đồng ý với việc chuyển giao theo Điều 4.1(f) một cách tự nguyện và với nhận thức về các hệ quả kèm theo.

ĐIỀU 6
HIỆU LỰC CỦA VIỆC CHUYỂN GIAO ĐỐI VỚI BÊN CHUYỂN GIAO

1. Việc cơ quan chức năng của Bên nhận tiếp quản người bị kết án phạt tù sẽ dẫn đến hệ quả đình chỉ việc thi hành hình phạt bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao sẽ không thi hành hình phạt nếu Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đó đã kết thúc.

ĐIỀU 7
THỦ TỤC CHUYỂN GIAO

1. Các Bên sẽ thông báo cho người bị kết án phạt tù về quyền được chuyển giao theo Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án phạt tù mong muốn được chuyển giao thì có thể đề đạt nguyện vọng đó với bất cứ Bên nào, Bên đó sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia biết nguyện vọng này.

3. Yêu cầu chuyển giao có thể do bất kỳ Bên nào đưa ra. Bên nhận thông báo ngay cho Bên yêu cầu về quyết định có đồng ý với yêu cầu chuyển giao hay không.

4. Yêu cầu chuyển giao phải được lập thành văn bản, gồm các thông tin sau đây:

(a) Họ tên, ngày sinh và nơi sinh của người bị kết án phạt tù;

(b) Xác nhận về tình trạng quốc tịch của người bị kết án; và

(c) Nơi ở hiện tại của người bị kết án phạt tù và địa chỉ thường trú của người đó, nếu có.

5. Khi có yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao, trong phạm vi có thể, sẽ cung cấp bằng văn bản cho Bên nhận các thông tin sau:

(a) Mô tả tình tiết sự kiện làm cơ sở cho việc kết án và tuyên hình phạt;

(b) Một bản sao văn bản pháp luật có liên quan quy định hành động hoặc không hành động đã bị tuyên hình phạt tại Bên chuyển giao cấu thành một tội phạm;

(c) Bản chất và thời hạn của hình phạt, ngày chấm dứt hình phạt, nếu có, thời gian đã chấp hành hình phạt của người bị kết án và bất kỳ sự miễn, giảm hình phạt nào mà người đó có được vì những việc đã làm, do có thái độ cải tạo tốt, do đã bị giam giữ trước khi xét xử hoặc vì lý do khác;

d) Một bản sao giấy chứng nhận hoặc trích lục hồ sơ bản án và hình phạt; và

e) Bản khai thể hiện sự đồng ý đối với việc chuyển giao theo quy định tại Điều 4.1(f).

6. Theo yêu cầu của một Bên, trong phạm vi có thể, Bên kia sẽ cung cấp các thông tin, tài liệu hoặc văn bản có liên quan trước khi đưa ra yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không. Trong trường hợp này, Bên nhận phải thông báo cho Bên chuyển giao biết Bên đó có ý định điều chỉnh hình phạt theo quy định tại Điều 8.3 hay không.

7. Cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao sẽ bàn giao người bị kết án cho cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận đúng thời gian và địa điểm trong phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên chuyển giao đã được hai Bên thỏa thuận.

8. Các Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho người bị kết án mọi hoạt động của Bên chuyển giao hoặc Bên nhận được tiến hành theo quy định tại khoản trên Điều này.

ĐIỀU 8
TIẾP TỤC THI HÀNH HÌNH PHẠT

1. Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên đối với người bị kết án tương tự như hình phạt đó được tuyên tại Bên nhận hoặc sẽ chuyển đổi hình phạt theo các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao được điều chỉnh theo pháp luật và thủ tục của Bên nhận, bao gồm cả pháp luật về các điều kiện thi hành hình phạt tù, giam giữ hoặc các biện pháp tước tự do khác, cũng như các quy định về giảm thời hạn phạt tù, thời hạn giam giữ hoặc thời hạn áp dụng các biện pháp tước tự do khác do tạm tha, trả tự do có điều kiện, giảm án hoặc bằng hình thức khác.

3. Nếu tính chất hoặc thời hạn của hình phạt không phù hợp với pháp luật của Bên nhận thì Bên đó có thể chuyển đổi hình phạt cho phù hợp với hình phạt quy định đối với tội phạm tương tự theo pháp luật nước mình. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ phải căn cứ vào các sự kiện của vụ án đã được thể hiện trong các ý kiến, bản luận tội, phán quyết hoặc hình phạt đã được tuyên ở Bên chuyển giao. Hình phạt được chuyển đổi không được nặng hơn so với hình phạt đã được tuyên tại Bên

chuyển giao về tính chất và thời hạn. Tuy nhiên, khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tước tự do thành hình phạt tiền.

4. Bên nhận điều chỉnh hoặc chấm dứt việc thi hành hình phạt ngay sau khi được thông báo về quyết định ân xá của Bên chuyển giao đối với người bị kết án hoặc về bất kỳ quyết định hay biện pháp nào của Bên chuyển giao dẫn đến việc huỷ bỏ hoặc giảm hình phạt.

5. Nếu Bên chuyển giao yêu cầu, Bên nhận sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt. Mỗi Bên, vào bất cứ thời gian nào, có thể yêu cầu cung cấp một bản báo cáo riêng về tình hình thi hành một hình phạt cụ thể.

ĐIỀU 9
BẢO LƯU THẨM QUYỀN XÉT XỬ

Bên chuyển giao bảo lưu toàn bộ thẩm quyền xét xử trong việc xem xét lại việc buộc tội và hình phạt do toà án của Bên đó tuyên.

ĐIỀU 10
QUÁ CẢNH NGƯỜI BỊ KẾT ÁN

Nếu một Bên có thoả thuận với một nước thứ ba về việc chuyển giao người bị kết án phạt tù, Bên kia sẽ hợp tác tạo điều kiện cho việc quá cảnh người bị kết án qua lãnh thổ của nước mình theo thoả thuận. Bên có dự định thực hiện việc chuyển giao sẽ phải thông báo trước cho Bên kia về việc quá cảnh đó.

ĐIỀU 11
NGÔN NGỮ VÀ CHI PHÍ

1. Văn bản trao đổi giữa các Bên hỗ trợ cho yêu cầu chuyển giao người bị kết án phạt tù phải được chứng thực và kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên chuyển giao hoặc tiếng Anh.

2. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển giao người bị kết án phạt tù hoặc việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ do Bên nhận chi trả, trừ chi phí phát sinh riêng đối với Bên chuyển giao trong phạm

vi thẩm quyền xét xử của mình. Tuy nhiên, Bên nhận có thể thu lại toàn bộ hoặc một phần chi phí chuyển giao từ người bị kết án phạt tù.

ĐIỀU 12
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Tranh chấp phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa các Cơ quan Trung ương. Trường hợp các Cơ quan Trung ương không thể đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ được các Bên giải quyết thông qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 13
ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng đối với việc chuyển giao người bị kết án phạt tù đã bị kết án trước hoặc sau khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 14
CÁC THOẢ THUẬN KHÁC

Hiệp định này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận khác, cũng như không ngăn cản các Bên trong việc trợ giúp hoặc tiếp tục trợ giúp lẫn nhau theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận khác.

ĐIỀU 15
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn sẽ được trao đổi sớm nhất có thể. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30), sau ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản qua đường ngoại giao vào bất kỳ thời điểm nào. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi (180), sau ngày đưa ra thông báo đó. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định không ảnh hưởng đến các thủ tục chuyển giao đã bắt đầu trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

3. Hiệp định này được áp dụng đối với các yêu cầu được gửi sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả trường hợp yêu cầu chuyển giao liên quan đến hành vi phạm tội được thực hiện trước khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người có tên dưới đây, được nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Xơ-un thành hai bản, vào ngày 29 tháng 5 năm 2009 bằng tiếng Việt, tiếng Hàn và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có khác biệt về giải thích, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng làm căn cứ để đối chiếu.

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thượng tướng Nguyễn Văn Hưởng
Thứ trưởng Bộ Công an

THAY MẶT
ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Kwon Jong-rak
Thứ trưởng
Bộ Ngoại giao và Thương mại

TREATY

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE REPUBLIC OF KOREA

FOR THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

TREATY
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AND
THE REPUBLIC OF KOREA
FOR THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

The Socialist Republic of Vietnam and the Republic of Korea (hereinafter referred to as "the Parties");

Desiring the facilitation of legal cooperation and the successful reintegration of sentenced persons into society; and

Considering that this objective should be fulfilled by giving nationals of the other country who are deprived of their liberty as a result of their commission of a criminal offence the opportunity to serve their sentences in their own country;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purposes of this Treaty:

(a) "transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been, transferred;

(b) "receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred;

(c) "sentence" means any punishment or measure involving deprivation of liberty ordered by a court for a limited or unlimited period of time on account of a criminal offence;

(d) "sentenced person" means any person who has been imposed a sentence by a court in the jurisdiction of the transferring Party within the definition of "sentence" stipulated in Paragraph (c) of this Article;

(e) "national" means a person who has the nationality of the transferring Party or the receiving Party.

ARTICLE 2

GENERAL PRINCIPLES

1. The Parties shall afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty.

2. A sentenced person may be transferred from the jurisdiction of the transferring Party to the jurisdiction of the receiving Party in accordance with the provisions of this Treaty in order to serve the sentence imposed on him or her by the transferring Party.

3. The transfer of sentenced persons may be requested by either the transferring Party or the receiving Party.

ARTICLE 3

CENTRAL AUTHORITIES

1. Each Party shall designate a Central Authority to implement the provisions of this Treaty.

2. The Central Authority for the Socialist Republic of Vietnam shall be the Minister of Public Security or an official designated by that Minister. The Central Authority for the Republic of Korea shall be the Minister of Justice or an official designated by that Minister. Either Party may change its Central Authority, in which case it shall promptly notify the other Party of the change.

3. The Parties shall use diplomatic channels in communicating with each other except for in case of urgency or other extraordinary circumstances.

ARTICLE 4

CONDITIONS FOR TRANSFER

1. A sentenced person may be transferred only on the following conditions:

(a) the acts or omissions for which the sentence has been imposed would constitute a criminal offence under the laws of the receiving Party; however, this condition shall not be interpreted to require that the offence described in the

laws of both Parties be identical with respect to matters that do not affect the essential nature of the offence;

(b) the sentenced person is a national of the receiving Party;

(c) at the time the request for transfer is received, the sentenced person has still at least one year of the sentence to serve, or is serving an indeterminate or life sentence;

(d) the judgment is final, and no further proceedings relating to the offence are pending within the jurisdiction of the transferring Party;

(e) the transferring and receiving Parties all agree to the transfer, and

(f) the transfer is consented to by the sentenced person or, where in view of the person's age or physical or mental condition one of the Parties considers it necessary, by his or her legal representative.

2. In exceptional cases, the Parties may agree to a transfer even if the time to be served by the sentenced person is less than that specified in paragraph 1(c) of this Article.

ARTICLE 5

VERIFICATION OF CONSENT

1. Each Party shall ensure that the person who gives consent to the transfer as required by Article 4.1(f) does so voluntarily and with knowledge of the consequences thereof.

2. The transferring Party shall permit an official designated by the receiving Party personally to verify, prior to the transfer, that the sentenced person's consent to the transfer in accordance with Article 4.1(f) is given voluntarily and with knowledge of the consequences thereof.

ARTICLE 6

EFFECT OF TRANSFER FOR TRANSFERRING PARTY

1. The taking into charge of the sentenced person by the authorities of the receiving Party shall have the effect of suspending the enforcement of the sentence by the authorities in the transferring Party.

2. The transferring Party shall not enforce the sentence if the receiving Party considers enforcement of the sentence to have been completed.

NIY

ARTICLE 7

PROCEDURES FOR TRANSFER

1. The Parties shall inform sentenced persons of their right to transfer under this Treaty.

2. If a sentenced person wishes to be transferred, he or she may express such a wish to either Party which shall promptly so inform the other Party in writing.

3. A request for transfer may be made by either Party to the other Party. The requested Party shall promptly inform the requesting Party of its decision whether to agree to a request for transfer.

4. Requests for transfer shall be in writing and shall include the following information:

(a) the name, date and place of birth of the sentenced person;

(b) a statement indicating the nationality status of the sentenced person; and

(c) the location of the sentenced person and permanent address, if available.

5. Where a request for transfer has been made, the transferring Party shall, to the extent practicable, provide the receiving Party with the following information in writing:

(a) a statement of the facts upon which the conviction and sentence were based;

(b) a copy of the relevant law which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the transferring Party constitute an offence;

(c) the nature and duration of the sentence, the termination date of the sentence, if applicable, and the length of time already served by the sentenced person and any remission to which he or she is entitled on account of work done, good behavior, pre-trial confinement or other reasons;

(d) a copy of the certificate or record of conviction and sentence; and

(e) a declaration containing the consent to the transfer as referred in Article 4.1(f).

6. Either Party shall, to the extent practicable, provide the other Party, if it so requests, with any relevant information, documents or statements before making a request for transfer or taking a decision on whether to agree to the

transfer. In this regard, the receiving Party shall advise the transferring Party whether it intends to adapt the sentence in accordance with Article 8.3.

7. Delivery of the sentenced person by the authorities of the transferring Party to those of the receiving Party shall occur on a date and at a place within the jurisdiction of the transferring Party agreed upon by both Parties.

8. The Parties shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the transferring Party or the receiving Party under the preceding paragraphs of this Article.

ARTICLE 8

CONTINUED ENFORCEMENT OF SENTENCE

1. The receiving Party shall enforce the sentence as if the sentence had been imposed in the receiving Party or adapt the sentence under the conditions set forth in paragraph 3 of this Article.

2. The continued enforcement of the sentence after transfer shall be governed by the laws and procedures of the receiving Party, including those governing conditions for service of imprisonment, confinement or other deprivation of liberty, and those providing for the reduction of the term of imprisonment, confinement or other deprivation of liberty by parole, conditional release, remission or otherwise.

3. If the sentence is by its nature or duration incompatible with the law of the receiving Party, that Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law for a similar offence. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed in the transferring Party. The adapted sentence shall be no more severe than that imposed by the transferring Party in terms of nature or duration. When adapting the sentence, the competent authority of the receiving Party may, however, not convert a sanction involving deprivation of liberty to a pecuniary sanction.

4. The receiving Party shall modify or terminate enforcement of the sentence as soon as it is informed of any decision by the transferring Party to pardon the sentenced person, or of any other decision or measure of the transferring Party that results in cancellation or reduction of the sentence.

MM

5. The receiving Party shall, if the transferring Party so requests, provide any information requested in relation to the enforcement of the sentence. Either Party may, at any time, request a special report on the status of the enforcement of an individual sentence.

ARTICLE 9

RETENTION OF JURISDICTION

The transferring Party shall retain exclusive jurisdiction for the review of convictions and sentences issued by its courts.

ARTICLE 10

TRANSIT OF SENTENCED PERSONS

If either Party enters into arrangements with any third State for the transfer of sentenced persons, the other Party shall cooperate in facilitating the transit through its territory of sentenced persons being transferred pursuant to such arrangements. The Party intending to make such a transfer shall give advance notice to the other Party of such transit.

ARTICLE 11

LANGUAGE AND EXPENSES

1. Written communications between the Parties submitted in support of a request for the transfer of the sentenced person shall be certified and accompanied by a translation into the language of the transferring Party or into the English language.

2. Any expenses incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the continued enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the receiving Party, except costs incurred by the transferring Party exclusively within the jurisdiction of the transferring Party. The receiving Party may, however, seek to recover all or part of the costs of transfer from the sentenced person.

MY

ARTICLE 12

SETTLEMENT OF DISPUTES

Any dispute arising out of the interpretation, application, or implementation of this Treaty shall be resolved through negotiations between the Central Authorities. If the Central Authorities are unable to reach an agreement, the dispute shall be resolved by the Parties through diplomatic channels.

ARTICLE 13

APPLICATION

This Treaty shall be applicable to the transfer of sentenced persons who have been sentenced either before or after the entry into force of this Treaty.

ARTICLE 14

OTHER AGREEMENTS

This Treaty shall not affect obligations subsisting between the Parties whether pursuant to other treaties, arrangements or otherwise, or prevent the Parties from providing or continuing to provide assistance to each other pursuant to other treaties, arrangements or otherwise.

ARTICLE 15

FINAL PROVISIONS

1. This Treaty is subject to ratification. The instruments of ratification shall be exchanged as soon as possible. This Treaty shall enter into force on the thirtieth (30^{th}) day after the date of the exchange of the instruments of ratification.

2. Either Party may terminate this Treaty by notice in writing through diplomatic channels at any time. Termination shall take effect on the one hundred and eightieth (180^{th}) day after the date on which the notice is given. Termination of this Treaty shall not affect the transfer proceedings commenced prior to the termination.

3. This Treaty applies to any requests presented after its entry into force even if the relevant offences occurred before the entry into force of this Treaty.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto by the Socialist Republic of Vietnam and the Republic of Korea respectively, have signed the present Treaty.

DONE at Seoul in duplicate, on this twenty-ninth day of May in the year of two thousand and nine, in the Vietnamese, Korean and English languages, each text being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English Text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Nguyen Van Huong
Senior Lieutenant-General
Vice Minister of Public Security

FOR THE REPUBLIC OF KOREA

Kwon Jong-rak
Vice Minister of Foreign Affairs and Trade

베트남사회주의공화국과 대한민국 간의
수형자이송조약

베트남사회주의공화국과 대한민국(이하 "당사국"이라 한다)은,

형사사법공조 활성화와 수형자의 사회로의 성공적인 복귀를 바라며,

동 목적은 범죄행위로 인하여 자유를 박탈당한 다른 쪽 당사국 국민에게 자국에서 형을 복역할 기회를 줌으로써 실현되어질 수 있음을 고려하여,

다음과 같이 합의하였다.

제 1 조
정의

이 조약의 목적상,

가. "이송 당사국"이란 수형자를 이송할 수 있거나 또는 이송한 당사국을 말한다.

나. "수용 당사국"이란 수형자를 인도받을 수 있거나 또는 인도받은 당사국을 말한다.

다. "형"이란 범죄행위를 사유로 법원이 선고한 유기 또는 무기한의 자유박탈을 수반하는 처벌이나 조치를 말한다.

라. "수형자"란 다목에 규정된 "선고"의 정의에 따라, 이송 당사국의 관할권에 있는 법원에 의하여 선고를 받은 자를 말한다.

마. "국민"이란 이송 당사국 또는 수용 당사국의 국적을 가진 자를 말한다.

제 2 조
일반 원칙

1. 당사국은 이 조약상 규정에 따라 수형자 이송과 관련하여 최대한의 협력조치를 제공한다.

2. 수형자는 이송 당사국에 의하여 부과된 형의 복역을 위하여 이 조약상 제 규정에 따라 이송 당사국의 관할권에서 수용 당사국의 관할권으로 이송되어질 수 있다.

3. 수형자의 이송은 이송 당사국 또는 수용 당사국 중 어느 한쪽에 의하여 요청되어질 수 있다.

제 3 조
중앙기관

1. 당사국은 이 조약의 규정을 이행하기 위하여 중앙기관을 지정한다.

2. 베트남사회주의공화국의 중앙기관은 공안부장관 또는 공안부장관에 의하여 지정된 관리이다. 대한민국의 중앙기관은 법무부장관 또는 법무부장관에 의하여 지정된 관리이다. 각 당사국은 중앙기관을 변경할 수 있으며, 이 경우 다른 쪽 당사국에게 동 사실을 즉시 통보하여야 한다.

3. 당사국은 긴급 또는 그 밖의 특수 상황을 제외하고 외교경로를 이용하여 상호 연락한다.

제 4 조
이송 조건

1. 수형자는 오직 다음 각 목의 조건에 따라 이송되어질 수 있다.
   가. 부과된 형이 수용 당사국의 법률상 범죄를 구성하는 작위 또는 부작위인 것. 그러나 이 조건은 양 당사국의 법률에 따라 범죄를 상호 비교시 범죄의 본질적인 성격에 영향을 미치지 아니하는 문제까지 동일할 것을 요구하지는 아니함.
   나. 수형자가 수용 당사국의 국민일 것
   다. 이송 요청이 접수된 때, 수형자가 복역할 형이 최소 1년이거나, 부정기 또는 종신형일 것
   라. 판결이 확정된 것이고, 범죄와 관련된 더 이상의 소송절차가 이송 당사국의 관할권 내에서 진행 중이지 아니할 것
   마. 이송 당사국 및 수용 당사국 모두 이송에 동의할 것
   바. 이송에 관하여 수형자가 동의하기나, 이송국 또는 수용국 중 어느 일방이 수형자의 연령이나 신체·정신 상태를 고려하여 필요하다고 판단하는 상황에서 그 수형자의 법적 대리인이 동의할 것

2. 예외적으로 당사국은 수형자가 복역하여야 할 기간이 다목에서 언급한 것보다 적을 경우라도 이송에 동의할 수 있다.

제 5 조
동의 확인

1. 당사국은 제4조제1항바목에 따라 이송에 동의하는 자가 자발적으로, 그리고 동의의 결과에 대하여 알고 동의하도록 보장한다.

2. 이송 당사국은 수용 당사국이 지정한 관리가 이송에 앞서 제4조제1항바목에 따른 수형자의 동의가 자발적으로 그리고 그 결과를 인식한 상태에서 이루어진 것인지를 확인하도록 허용하여야 한다.

제 6 조
이송 당사국에 대한 이송의 효과

1. 수용 당사국 기관의 수형자 신병 접수는 이송 당사국의 기관이 집행하던 형을 정지시키는 효과가 있다.

2. 이송 당사국은 수용 당사국이 형의 집행이 완료되었다고 간주하는 경우에 더 이상 그 형을 집행하지 못한다.

제 7 조
이송 절차

1. 당사국은 수형자들에게 이 조약에 따라 이송에 대한 그들의 권리를 알려주어야 한다.

2. 수형자가 이송을 희망할 경우, 수형자는 어느 한쪽 당사국에게 그러한 의사를 표현할 수 있고, 동 의사를 접수한 당사국은 다른 쪽 당사국에게 이러한 사항을 서면으로 즉시 통보하여야 한다.

3. 이는 한쪽 당사국은 다른 쪽 당사국에게 이송과 관련한 요청을 할 수 있다. 피요청국은 이송요청에 대한 동의 여부를 요청국에게 즉각 통보하여야 한다.

4. 이송요청은 서면에 의하고 다음 각 목의 정보를 포함한다.
   가. 수형자의 성명, 생년월일 및 출생지
   나. 수형자의 국적상태를 나타내는 진술서
   다. 가능한 경우 수형자의 소재지 및 영구 주소

5. 이송요청이 이루어지는 경우 이송 당사국은 실행 가능한 범위 내에서 서면에 의하여 다음 각 목의 사항을 수용 당사국에게 제공하여야 한다.
   가. 유죄판결 및 형의 근거가 되는 사실 관련 진술서
   나. 선고국에서 형 부과의 이유가 된 작위나 부작위가 이송국의 법에 의하여 범죄를 구성함을 규정하는 이송국의 관련법 사본
   다. 형의 성질 및 기간, 가능하면 형 집행 종료일, 이미 복역한 기간, 작업·좋은 태도·공판 전 감금 및 그 밖의 이유에 따라 수형자에게 권리로서 부여된 형의 감경
   라. 유죄선고 및 형의 증명서 또는 기록의 사본
   마. 제4조제1항바목에 따른 이송동의를 포함하는 선언

6. 당사국은 어느 한쪽 당사국의 요청이 있을 경우 실행 가능한 범위 내에서 이송요청 전 또는 이송에 대한 동의여부를 결정하기 전에 관련 정보, 서류, 진술서를 다른 쪽 당사국에게 제공한다. 이와 관련, 수용 당사국은 제8조제3항다목에 따른 형의 변경 여부를 이송 당사국에게 통지한다.

7. 이송 당사국 기관의 수용 당사국 기관에 대한 수형자 신병인도는 이송 당사국의 관할권 내 양 당사국이 동의한 일자 및 장소에서 이루어진다.

8. 당사국은 제1항부터 제7항까지의 규정에 따라 이송 당사국 또는 수용 당사국에 의하여 행하여진 어떠한 조치도 수형자에게 서면으로 통보한다.

제 8 조
형의 계속

1. 수용 당사국은 자국이 형을 부과한 것과 같이 형을 집행하거나 또는 제3항에 기술한 조건에 따라 형을 변경하여야 한다.

2. 이송 후 형의 계속 집행은 수용 당사국의 법과 절차에 따른다. 동 법과 절차는 자유형·금고형 및 그 밖의 자유박탈 제재에 대한 조건, 가석방·조건부 석방·감형 등을 통한 자유형·금고형 및 기타 자유박탈 제재의 감경에 대한 조건을 포함한다.

3. 형의 성질 및 기간이 수용 당사국의 법률과 양립하지 아니한다면, 수용 당사국은 유사 범죄에 대하여 자국 법령이 정한 형에 따라 해당 형을 변경할 수 있다. 형을 변경함에 있어 수용 당사국의 관계 기관은 관련 보는 의견·유죄선고·판결 및 부과된 형에서 나타나는 사실의 발견에 구속 받는다. 변경된 형은 성질 및 기간으로 볼 때, 이송 당사국에 의하여 부과된 것보다 과중하여서는 아니 된다. 그러나 형을 변경함에 있어 수용 당사국의 권한 있는 기관은 자유박탈 관련 제재를 금전적 제재로 전환할 수 없다.

4. 수용 당사국은 이송 당사국으로부터 수형자의 사면 결정 또는 선고의 취소 또는 감형 관련 결정 및 조치에 대하여 통보를 받을 경우, 즉시 형을 변경하거나 형의 집행을 종료한다.

5. 이송 당사국이 요청할 경우 수용 당사국은 형 집행과 관련하여 어떠한 자료도 제공하여야 한다. 어느 한쪽 당사국은 언제든지 개별 형 집행 상황에 대한 특별보고서를 요청할 수 있다.

제 9 조
관할권보유

이송 당사국은 자국 법원이 내린 유죄 판결과 형의 집행에 대한 독점적 관할권을 보유한다.

제 10 조
수형자 이송

어느 한쪽 당사국이 제3국과 수형자 이송에 대한 협정을 체결한 경우, 다른 쪽 당사국은 그러한 협정에 따라 이송되는 수감자의 자국 영토 통과에 협조하여야 한다. 그러한 이송을 계획하는 어느 한쪽 당사국은 다른 쪽 당사국에게 이를 사전 통보하여야 한다.

제 11 조
언어와 비용

1. 수형자 이송요청을 지원하기 위한 당사국간 연락은 인증되어야 하고, 이송 당사국 언어본 또는 영어본이 통반되어져야 한다.

2. 이송 당사국에 의하여 오직 이송당사국 관할권 내에서 발생하는 비용을 제외하고는, 수형자 이송 또는 이송 후 형 계속 집행과 관련하여 발생하는 제반 비용은 수용 당사국이 부담한다. 그러나 수용 당사국은 수형자 이송에 소요된 모든 또는 부분적인 비용을 수형자에게 청구할 수 있다.

제 12 조
분쟁해결

이 조약의 해석, 적용, 이행으로부터 발생하는 어떠한 분쟁도 중앙기관 간의 협의를 통하여 해결한다. 중앙기관이 합의에 도달할 수 없는 분쟁은 당사국간 외교경로를 통하여 해결하여야 한다.

제 13 조
적용

이 조약은 이 조약 발효 이전 또는 이후에 형을 선고 받은 수형자의 이송에도 적용된다.

제 14 조
그 밖의 협정

이 조약은 다른 조약, 협정 등에 따라 당사국간 존속하는 의무에 영향을 미치지 아니하고, 다른 조약, 협정 등에 따라 당사국이 상호 지원을 제공하거나 또는 이를 지속하는 것을 금하지 아니한다.

제 15 조
최종 조항

1. 이 조약은 비준되어야 한다. 비준서는 가능한 한 빨리 교환되어져야 한다. 이 조약은 비준서를 교환한 날 이후 30일째 되는 날에 발효한다.

2. 어느 한쪽 당사국은 언제든지 외교경로를 통한 서면통고에 의하여 이 조약을 종료할 수 있다. 종료는 그러한 통고일부터 180일 후에 효력이 발생한다. 이 조약의 종료는 종료 이전에 착수한 이송절차에 영향을 미치지 아니한다.

3. 이 조약은 이 조약 발효이전에 발생한 범죄와 관련하여 이 조약 발효 후 해당 범죄인에 대한 이송 요청이 있을 경우에도 적용된다.

이상의 증거로, 아래 서명자들은 베트남사회주의공화국과 대한민국으로부터 정당하게 권한을 위임받아 이 조약에 서명하였다.

2009년 5월 29일 서울에서 동등하게 정본인 베트남어본, 한국어본, 영어본으로 각 2부씩 작성하였다. 해석상의 차이가 있을 경우에는 영어본이 우선한다.

베트남사회주의공화국을 대표하여

대한민국을 대표하여